

Số: /2020/QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ di chuyển cây trồng đặc thù để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khu đất phục vụ đầu tư xây dựng Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai do Văn phòng hợp tác quốc phòng, Đại sứ quán Hoa Kỳ tài trợ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 25/3/2020 của UBND thành phố Nam Định, Tờ trình số 201/TTr-STC ngày 07/4/2020 của Sở Tài chính, Báo cáo thẩm định số 56/BC-STP ngày 09/4/2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ di chuyển cây trồng đặc thù để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khu đất phục vụ đầu tư xây dựng Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai do Văn phòng hợp tác quốc phòng - Đại sứ quán Hoa Kỳ tài trợ. *(Chi tiết theo phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/4/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Nam Định và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Website tỉnh, công báo tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: Vp1, Vp5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Ngô Gia Tự

Phụ lục

**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI CHUYỂN CÂY TRỒNG
ĐẶC THÙ ĐỂ LẬP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB
KHU ĐẤT PHỤC VỤ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG TÂM PHÒNG
TRÁNH VÀ GIẢM NHỆ THIÊN TAI DO VẤN PHÒNG HỢP TÁC
QUỐC PHÒNG, ĐẠI SỨ QUÁN HOA KỲ TÀI TRỢ**

*(Kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày /4/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

STT	Loại cây trồng	Phân loại	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
A	Đối với cây cảnh			
1	Cây Xanh, Si, Đa, Lộc Vừng, Sung	Đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	233.000
		Đường kính gốc từ 10cm đến 20cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	377.000
		Đường kính gốc lớn hơn 20cm đến 30cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	394.000
		Đường kính gốc lớn hơn 30cm đến 40cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	728.000
		Đường kính gốc lớn hơn 40cm đến 50cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	1.011.000
		Đường kính gốc lớn hơn 50cm đến 60cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	1.405.000
		Đường kính gốc lớn hơn 60cm đến 80cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	1.954.000
		Đường kính gốc lớn hơn 80cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	2.716.000
2	Cây tùng La Hán	Đường kính gốc từ 3cm đến 5cm, đường kính tán lớn hơn 1,0m, chiều cao lớn hơn 1,0m	cây	121.000
		Đường kính gốc lớn hơn 5cm đến 10cm, đường kính tán lớn hơn 1,0m, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	167.000
		Đường kính gốc lớn hơn 10cm đến 20cm đường kính tán lớn hơn 1,0m, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	394.000
		Đường kính gốc lớn hơn 20cm, đường kính tán lớn hơn 1,0m, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	523.000

STT	Loại cây trồng	Phân loại	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
3	Cây Cau Lợn cọ (cau lùn)	Đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, chiều cao nhỏ hơn 1,5m	cây	196.000
		Đường kính gốc lớn hơn 10cm đến 20cm, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	311.000
		Đường kính gốc lớn hơn 20cm, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	432.000
4	Cây vụn tuế	Đường kính gốc nhỏ hơn 10cm, chiều cao lớn hơn 1,0m	cây	126.000
		Đường kính gốc lớn hơn 10cm đến 20cm, chiều cao lớn hơn 1,0m	cây	174.000
		Đường kính gốc lớn hơn 20cm đến 30cm, chiều cao lớn hơn 1,0m	cây	243.000
5	Quất cảnh	Cao < 30cm	cây	70.000
		30 cm ≤ Cao < 50cm	cây	97.000
		50 cm ≤ Cao < 70cm	cây	135.000
		70 ≤ Cao < 100cm	cây	197.000
		100 cm ≤ Cao < 150cm	cây	262.000
		Cao ≥ 150cm	cây	363.000
6	Đào hoa	Cây giống, chiều cao < 40cm	m ²	250.000
		40 ≤ Cao < 80cm, đường kính tán < 50cm	cây	5.000
		80 ≤ Cao < 150cm, đường kính tán < 50cm	cây	10.000
		80 ≤ Cao < 150cm, đường kính tán ≥ 50cm	cây	189.000
		150 ≤ Cao < 200cm, đường kính tán ≥ 50cm	cây	262.000
		Cao ≥ 200cm, đường kính tán > 50cm	cây	363.000
7	Hoa Hòe	Cây giống, chiều cao < 40cm	m ²	250.000
		40 ≤ Cao < 80cm, đường kính tán < 50cm	cây	5.000
		80 ≤ Cao < 150cm, đường kính tán < 50cm	cây	10.000
		80 ≤ Cao < 150cm, đường kính tán ≥ 50cm	cây	189.000
		150 ≤ Cao < 200cm, đường kính tán ≥ 50cm	cây	262.000
		Cao ≥ 200cm, đường kính tán > 50cm	cây	363.000
8	Hoa Cúc, Hoa Hồng, Hoa Thạch Thảo, chiều tím,... (mật độ từ 50 đến 100 cây/m ²)	Loại có hoa	m ²	217.000
		Loại chưa có hoa	m ²	183.000

STT	Loại cây trồng	Phân loại	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
B	Cây trồng trên chậu: Tính bằng 50% đơn giá di chuyển cây quy định tại mục A			

Nguyên tắc xác định đường kính, chiều cao cây theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Nam Định.